

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
BỆNH VIỆN SẢN NHI

Số: 250/BVSN-KD

Về việc mời chào giá một số mặt hàng
thuốc Generic phục vụ mua sắm bổ
sung cho Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng
Ninh năm 2025.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 03 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các công ty sản xuất/ nhập khẩu/ kinh doanh dược phẩm
Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham
khảo, mua sắm bổ sung thuốc Generic cho Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh năm
2025 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh – khu Minh
Khai, phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Nguyễn Thị
Quỳnh, nhân viên khoa Dược, SĐT: 0975 402 102, email: duocsannhi@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh – khu Minh
Khai, phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Nhận qua email: duocsannhi@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 12 tháng 03 năm 2025 đến trước
08h ngày 24 tháng 03 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày ký báo giá.

II. Danh mục thuốc

Đề nghị Quý công ty báo giá các mặt hàng thuốc hiện đang kinh doanh đáp ứng
các tiêu chí tại Phụ lục I đính kèm, có thể cung cấp thêm các thuốc ngoài Phụ lục này
(nếu có) và báo giá theo mẫu Phụ lục II đính kèm.

Bệnh viện xin trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Nt; SYTQN (đăng tải)

- Lưu: VT, KD



Bùi Minh Cường

PHỤ LỤC I

(kèm theo Công văn số 250/BV/SN-KD ngày 12/03/2025 của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh)



STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT (2)	Đơn vị tính	Số lượng
1	SNBS01	Diosmectit	3 gam	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	1	Gói/Túi	2.000
2	SNBS02	Levothyroxin	100mcg (dạng muối)	Uống	Viên	1	Viên	15.000
3	SNBS03	Misoprostol	200 µg (mcg)	Uống	Viên	4	Viên	50.000
4	SNBS04	Octocog alfa (recombinant human coagulation factor VIII (rFVIII)) 250 IU	250 IU	Tiêm	Thuốc tiêm	1	Bộ/Hộp/Chai/Lọ/Ống/Gói/Túi/Bơm tiêm/Bút tiêm	600
5	SNBS05	Povidon Iod	10% kl/tt	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	1	Chai/Lọ/Ống/Gói/Túi	5.000
6	SNBS06	Povidon iod	10% , 125ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	4	Chai/Lọ/Ống/Gói/Túi	10.000
7	SNBS07	Sắt hydroxyd polymaltose	100mg/10ml, 10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	4	Chai/Lọ/Ống/Gói/Túi	15.000
8	SNBS08	Triptorelin (dưới dạng Triptorelin acetat) 3,75 mg	Triptorelin (dưới dạng Triptorelin acetat) 3,75 mg	Tiêm	Thuốc tiêm	1	Chai/Lọ/Ống/Gói/Túi/Bơm tiêm/Bút tiêm	300
9	SNBS09	Triptorelin (dưới dạng Triptorelin pamoare) 11,25mg	11,25mg	Tiêm bắp	Thuốc tiêm	1	Chai/Lọ/Ống/Gói/Túi/Bơm tiêm/Bút tiêm	350
10	SNBS10	Xylometazolin	0,05%, 10ml	Nhỏ mũi	Thuốc nhỏ mũi	4	Chai/Lọ/Ống/Gói/Túi	3.000
11	SNBS11	Zinc gluconat + Đồng gluconat + Mangan gluconat + Kali iodid + Natri selenit	(6970mcg + 1428mcg + 40,52mcg + 13,08mcg + 43,81mcg)/10ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm	1	Chai/Lọ/Ống/Gói/Túi	350
12	SNBS12	Ciclosporin	100mg/ml, 50ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	5	Chai/Lọ/Ống/Gói/Túi	10
13	SNBS13	Cholecalciferol	15000 IU/ml, 10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	1	Chai/Lọ/Ống/Gói/Túi	300
14	SNBS14	Kẽm sulfat	4mg kẽm/ml, 5ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	4	Chai/Lọ/Ống/Gói/Túi	10.000
15	SNBS15	Gadoteric acid	0,5mmol/ml, 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm	1	Chai/Lọ/Ống/Gói/Túi	100
16	SNBS16	Mycophenolat	250mg dạng muối	Uống	Viên nang	2	Viên	3.000
17	SNBS17	Mycophenolat	500mg dạng muối	Uống	Viên	1	Viên	2.000
18	SNBS18	Human Hepatitis B Immunoglobulin	180IU/1ml	Tiêm bắp	Thuốc tiêm	1	Chai/Lọ/Ống/Gói/Túi/Bơm tiêm/Bút tiêm	400
19	SNBS19	Human protein có chứa Hepatitis B Immunoglobulin	Human protein trong đó IgG tối thiểu 96% với hàm lượng Hepatitis B Immunoglobulin người - 200 IU/0,4ml. Phân bố các Immunoglobulin: 59% IgG1; 35% IgG2; 3% IgG3; 3% IgG4; IgA ≤ 6mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm	1	Chai/Lọ/Ống/Gói/Túi/Bơm tiêm/Bút tiêm	300



STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất (1)	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT (2)	Đơn vị tính	Số lượng
20	SNBS20	Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phé cầu khuẩn;Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phé cầu khuẩn;Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phé cầu khuẩn;Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phé cầu khuẩn;Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phé cầu khuẩn;Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phé cầu khuẩn;Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phé cầu khuẩn;Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phé cầu khuẩn;Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phé cầu khuẩn;Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phé cầu-khuẩn;Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phé cầu khuẩn;Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phé cầu khuẩn;Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phé cầu khuẩn;Cộng với Protein vận chuyển CRM197	Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phé cầu khuẩn 4,4mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg ; Cộng với Protein vận chuyển CRM197 32mcg	Tiêm bắp	Thuốc tiêm	1	Chai/Lọ/Óng/Gói/Túi/Bơm tiêm/Bút tiêm	60
21	SNBS21	protein L1 HPV týp 6;protein L1 HPV týp 11;protein L1 HPV týp 16;protein L1 HPV týp 18;protein L1 HPV cho mỗi týp 31,33,45,52 và 58	30mcg protein L1 HPV týp 6; 40mcg protein L1 HPV týp 11; 60mcg protein L1 HPV týp 16; 40mcg protein L1 HPV týp 18; 20mcg protein L1 HPV cho mỗi týp 31,33,45,52 và 58	Tiêm bắp	Thuốc tiêm	1	Chai/Lọ/Óng/Gói/Túi/Bơm tiêm/Bút tiêm	50
		Tổng cộng: 21 khoản						

(1): Thông tin ghi tại cột Tên hoạt chất trong bảng này là các dạng đồng phân hóa học hoặc các dạng muối có cùng tác dụng dược lý, tác dụng điều trị của dược chất.

(2): Công ty có thể báo giá các thuốc có nhóm TCKT khác với TCKT tại cột này





PHỤ LỤC II

Tên công ty:
Số điện thoại liên hệ:
(kèm theo Công văn số 250/BVSN-KD ngày 12/03/2025 của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh)

DANH MỤC BÁO GIÁ THUỐC

Kính gửi: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh.

Thực hiện đề nghị của Quý Bệnh viện về việc cung cấp báo giá thuốc tại Công văn số 250/BVSN-KD ngày 12/03/2025, Công ty xin trân trọng gửi bảng báo giá các mặt hàng thuốc hiện đang kinh doanh, cụ thể như sau:

STT	Mã số đề nghị báo giá (*)	Nhóm TCKT (**)	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	SDK hoặc GPNK	Quy cách đóng gói	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá có VAT (VND)	Giá trúng thầu 12 tháng gần nhất (nếu có)		
														Giá trúng thầu (có VAT) (VND)	Số, ngày Quyết định phê duyệt trúng thầu	Chủ đầu tư
1																
2																
...																

Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [theo yêu cầu tại khoản 5 Mục I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá].

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CÔNG TY

(ghi rõ chức danh, họ tên, ký, đóng dấu)

Ghi chú:

- Đối với các nội dung có ghi dấu (*) đề nghị công ty ghi thông tin theo nội dung tại Phụ lục I.
- Đối với các nội dung có ghi dấu (**) đề nghị công ty cung cấp thông tin của mặt hàng báo giá theo quy định Thông tư số 07/2024/TT-BYT ngày 17/5/2024 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập.
- Các thông tin thuốc báo giá đúng theo Quyết định cấp số đăng ký thuốc hoặc giấy phép lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu.
- Đơn giá là giá bán đã bao gồm toàn bộ các loại thuế, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển và các chi phí cần thiết để cung ứng thuốc đến khoa Dược của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh.
- Giá trúng thầu ưu tiên là giá đã được công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, đơn vị cung cấp kèm theo Quyết định cấp số đăng ký thuốc hoặc giấy phép lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu và Quyết định trúng thầu (bản sao có chữ ký của người đại diện hợp pháp của Công ty, đóng dấu và giáp lai giữa các trang).